

Bản án số: 111/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/3/2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga – *Thẩm phán*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly
2. Ông Đặng Khải Văn

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài – *Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – *Kiểm sát viên.*

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 445/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Thái H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 06/11/2024)

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Võ Đức A, sinh năm 1986;

Địa chỉ: xã X, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2/ Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Phường Q, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lâm Ngọc Anh D, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 07/02/2025)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 02/8/2024, tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Thái H trình bày: Ông và bà Lâm Ngọc Anh D tự nguyện chung sống chung với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 01/2011, đăng ký ngày 30/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp. Hai bên có cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Từ khoảng năm 2012 ông bà đã không còn sống chung với nhau cho đến nay. Nay ông H nhận thấy ông bà không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thái H yêu cầu được ly hôn với bà Lâm Ngọc Anh D.

- Về con chung: Ông Phạm Thái H xác nhận trong thời gian chung sống, ông và bà D không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H tự khai không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đề ngày 07/02/2025 được gửi qua đường bưu điện, bà Lâm Ngọc Anh D trình bày: Bà và ông Phạm Thái H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C cấp ngày 30/12/2011. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp. Từ năm 2012, hai vợ chồng đã sống ly thân đến thời điểm hiện tại. Trong quá trình chung sống, ông bà không có con chung, không có tài sản chung. Bà Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đồng ý ly hôn với ông H và không có tranh chấp gì về con chung và tài sản chung.

Bà D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 07/02/2025.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh nơi cư trú của bà Lâm Ngọc Anh D, xác minh mối quan hệ hôn nhân của ông H và bà D tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo quy định pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, cho ông H được ly hôn với bà Lâm Ngọc Anh D. Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyền số 01/2011, đăng ký ngày 30/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh thì ông Phạm Thái H và bà Lâm Ngọc Anh D có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Phạm Thái H có đơn xin ly hôn với bà Lâm Ngọc Anh D hiện đang cư trú tại Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận A thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Phạm Thái H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 06/11/2024, bà D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 07/02/2025 nộp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo lời trình bày của ông Phạm Thái H và bà Lâm Ngọc Anh Đào tại đơn khởi kiện, bản tự khai và bản tường trình thì sau khi kết hôn và về chung sống với nhau, ông bà sống chung không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính cách không hòa hợp. Ông bà đã không còn sống chung với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay ông H yêu cầu ly hôn, bà D đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông H nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng theo lời trình bày của ông Phạm Thái H và bà Lâm Ngọc Anh D thì giữa ông và bà D không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2012 đến nay. Ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà D, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Như vậy, đủ căn cứ cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa ông Phạm Thái H và bà Lâm Ngọc Anh D đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho ông Phạm Thái H được ly hôn với bà Lâm Ngọc Anh D là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông Phạm Thái H và bà Lâm Ngọc Anh D đều xác nhận trong thời gian chung sống, ông bà không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Phạm Thái H và bà Lâm Ngọc Anh D trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông Phạm Thái H trình bà không có, bà Lâm Ngọc Anh D không trình bày về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do ông Phạm Thái H nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí, lệ phí và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thái H được ly hôn với bà Lâm Ngọc Anh D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 01/2011, đăng ký ngày 30/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Phạm Thái H và bà Lâm Ngọc Anh D xác nhận không có con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Phạm Thái H và bà Lâm Ngọc Anh D khai không có nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Ông Phạm Thái H trình bà không có, bà Lâm Ngọc Anh D không trình bày về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông Phạm Thái H nộp, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Phạm Thái H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010245 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

5 Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hồng Nga